TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc

Bản án số: 486/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2019
V/v trA chấp ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Mai

2/ Ông Phan Minh ThA

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – *Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.*

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1621/2018/TLST-HN ngày 05 tháng 12 năm 2018 về: "TrA chấp Ly hôn" Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐ-HPT ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn M, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số C đường Ng, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà A và ông Nguyễn M kết hôn tự nguyện năm 1999, đến năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Thành, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Vợ chồng chung sống H phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Bà A và ông M đã nhiều lần tự hoà giải nhưng không có kết quả, bà cũng đã từng làm đơn ly hôn nhưng vì nghĩ về các con bà A đã rút đơn và cho

ông M thêm cơ hội nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được, bà và ông M đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn M.

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn M có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H sinh ngày 23/07/2000 (đã trưởng thành) và con Nguyễn Ngọc G sinh ngày 02/03/2006 con chung sẽ do bà A nuôi dưỡng, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn M đã được tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa để ghi lời khai ngày 03/01/2019, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/02/2019 và ngày 14/3/2019 nhưng ông M vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ trA chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

- Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A xin ly hôn với ông Nguyễn M có cơ sở chấp nhận .

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H sinh ngày 23/07/2000 (đã trưởng thành) và con Nguyễn Ngọc G sinh ngày 02/03/2006 bà A xin nuôi dưỡng, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà A phù hợp với nguyện vọng của con nên có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn M là quan hệ trA chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ phiếu yêu cầu xác minh ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, kết quả xác minh của công an Phường H, quận G cho biết ông Nguyễn M tạm trú tại số C đường Ng, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2008 cho đến nay. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn M vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 10, quyển số: 01/2 ngày 05/02/2001 do Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố H, tỉnh T cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà A xét thấy trong thời gian chung sống vợ chồng không H phúc, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, bà A đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn kéo dài. Nay bà A muốn ly hôn để ổn định cuộc sống. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường H, quận G cho biết vợ chồng bà A, ông M sống khép kín nên địa phương không nắm được vợ chồng bà A, ông M sống có H phúc hay không. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng sống không H phúc, không còn sự thương yêu tin tưởng lẫn nhau, nên bà A xin ly hôn, yêu cầu của bà A là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng nữa; Tòa án cũng đã triệu tập ông Nguyễn M đến Tòa để ghi lời khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên Tòa, nhưng ông M vẫn không có mặt, thể hiện ông M không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của bà A tại Tòa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A với ông Nguyễn M.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn M có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 23/07/2000 (đã trưởng thành) và con Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/03/2006, con chung do bà A nuôi dưỡng, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2017.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn M (Giấy chứng nhận kết hôn số: 10, quyển số: 01/2 ngày 05/02/2001 do Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố H, tỉnh H không còn giá trị).

- Về con chung: Có 2 con chung tên là Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 23/07/2000 (đã trưởng thành) và giao con Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 02/03/2006 cho bà Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn M cho đến khi bà A có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã đóng tạm nộp

án phí theo Biên lai số AA/2018/0001561 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND P.Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình